

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM

Báo cáo hợp nhất
Quý 2 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Quý 2/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/06/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		490,268,524,298	464,556,324,620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		43,220,096,708	28,059,429,425
1. Tiền	111	VI.1	30,620,096,708	11,559,429,425
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,600,000,000	16,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44,200,000,000	33,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		44,200,000,000	33,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131,232,410,776	142,212,537,549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	33,091,870,822	43,313,070,253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9,455,789,789	6,904,697,335
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.6a	70,000,000,000	70,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	25,782,033,736	29,741,297,879
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,918,659,458)	(9,918,659,458)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	2,821,375,887	2,172,131,540
IV. Hàng tồn kho	140		266,098,186,224	254,975,210,838
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	283,294,016,525	272,171,041,139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(17,195,830,301)	(17,195,830,301)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,517,830,590	6,109,146,808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	2,700,627,434	2,143,427,788
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,723,197,050	3,935,324,432
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17b	94,006,106	30,394,588
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41,087,995,749	46,701,106,610
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,649,002,872	10,374,334,530
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		3,446,000,000	5,246,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	7,203,002,872	5,128,334,530
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24,921,242,792	30,780,841,324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	23,777,041,956	29,992,528,780
- Nguyên giá	222		159,307,747,675	158,515,679,873
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(135,530,705,719)	(128,523,151,093)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	1,144,200,836	788,312,544
- Nguyên giá	228		5,591,953,484	5,120,818,486
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,447,752,648)	(4,332,505,942)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		4,170,407,110	4,170,407,110
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(4,170,407,110)	(4,170,407,110)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,430,213,267	1,469,634,899
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	1,430,213,267	1,469,634,899
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,499,906,900	2,499,906,900
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,499,906,900	2,499,906,900
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,587,629,918	1,576,388,957
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	832,523,140.00	864,725,998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.22	755,106,778	711,662,959
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		531,356,520,047	511,257,431,230

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Quý 2/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2021
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	181,815,901,629	116,532,945,634	319,689,063,873	246,320,878,426
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,524,100,828	1,645,723,022	3,139,138,888	2,554,072,529
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	180,291,800,801	114,887,222,612	316,549,924,985	243,766,805,897
Giá vốn hàng bán	117,719,986,570	71,818,944,537	198,294,487,624	148,497,689,205
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62,571,814,231	43,068,278,075	118,255,437,361	95,269,116,692
Doanh thu hoạt động tài chính	4,253,842,316	5,646,650,271	5,854,166,751	7,551,637,191
Chi phí tài chính	-	(18,679,533)	-	5,344,467
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	-
Lãi lỗ công ty liên kết	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	56,950,402,042	48,728,633,417	104,830,872,343	98,031,461,131
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,835,587,243	6,995,316,609	13,641,050,962	13,846,412,117
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,039,667,262	(6,990,342,147)	5,637,680,807	(9,062,463,832)
Thu nhập khác	523,194,784	521,690,444	1,216,836,875	1,609,661,635
Chi phí khác	165,470,002	327,093,260	190,898,724	676,557,791
Lợi nhuận khác	357,724,782	194,597,184	1,025,938,151	933,103,844
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,397,392,044	(6,795,744,963)	6,663,618,958	(8,129,359,988)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(82,414,417)	50,512,207	(43,443,830)	110,727,343
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,479,806,461	(6,846,257,170)	6,707,062,788	(8,240,087,331)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	3,479,806,461	(8,240,087,331)	6,707,062,788	(8,240,087,331)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	322	(634)	621	(763)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	-	-	-	(763)

Người Lập/Kế toán trưởng



Phan Quốc Hưng

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Đại diện pháp luật



Vũ Ngọc Xuân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,397,392,044	(6,735,529,827)	6,663,618,958	(8,129,359,988)
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3,546,458,460	4,375,214,478	7,122,801,332	8,679,119,768
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1,720,307,289	(3,575,515,882)	-	(3,575,515,882)
- Chi phí lãi vay	06	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8,664,157,793	(5,935,831,231)	13,786,420,290	(3,025,756,102)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,659,149,944	15,787,350,582	10,053,974,306	15,445,123,066
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17,863,117,804)	(36,178,527,152)	(11,122,975,386)	(48,366,649,813)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22,161,140,033	32,044,928,110	13,392,026,029	40,645,398,568
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(752,708,679)	1,057,309,242	(524,996,788)	485,612,293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14,868,621,287	6,775,229,551	25,584,448,451	5,183,728,012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(555,655,168)	(4,900,423,652)	(1,223,781,168)	(4,957,343,652)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	45,454,545	-	45,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5,900,000,000)	(25,640,000,000)	(9,200,000,000)	(68,224,455,527)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	(1,720,307,289)	2,827,180,675	-	3,593,421,388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8,175,962,457)	(5,467,788,432)	(10,423,781,168)	(47,342,923,246)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5,406,993,000)	-	(5,406,993,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(5,406,993,000)	-	(5,406,993,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6,692,658,830	(4,099,551,881)	15,160,667,283	(47,566,188,234)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	36,527,437,878	29,623,993,712	28,059,429,425	73,090,630,065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43,220,096,708	25,524,441,831	43,220,096,708	25,524,441,831

Người lập / Kế toán trưởng



Phan Quốc Hưng



Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Đại diện pháp luật



Võ Ngọc Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục I.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực văn hóa.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

4. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con:

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam		100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam		100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim		100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam		100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.	Công ty TNHH Bán Lê Phương Nam	100%	100%
6.	Công ty TNHH Giải Trí-Truyền Thông Phương Nam	100%	100%

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	30,67%	30,67%
(Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết đang tính theo vốn điều lệ, vốn thực góp đến thời điểm hiện nay thấp hơn vốn điều lệ do có cổ đông chưa góp đủ vốn)				
3.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

<u>Đầu tư khác</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	49, đường Lê Duẩn, Phường 3, Quận Sóc Trăng, TP. Sóc Trăng, VN	15.69%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng.

1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- a. Các khoản cho vay;
- b. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết:
 - Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
 - Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- d. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -20 năm

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Ghi rõ ràng rành mạch theo từng đối tượng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Hàng tồn kho kê khai thường xuyên

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất (chỉ thuyết minh những phương pháp kế toán có giao dịch phát sinh trong kỳ)

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn;
- Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (thoái đầu tư trong các trường hợp không mất quyền kiểm soát, mất quyền kiểm soát, khi công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ, hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung);
- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ;

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

I. Tiền

	30/6/2022	01/01/2022
- Tiền mặt	1,257,858,624	946,763,154
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29,362,238,084	10,612,666,271
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	30,620,096,708	11,559,429,425

Chi tiết số dư loại tiền mặt

	30/6/2022	01/01/2022
- Trụ sở chính	4,309,271	5,609,458
- Công ty Bán Lê Phương Nam	1,226,246,134	915,704,646
- Công ty Phương Nam Phim	12,090,000	20,417,000
- Công ty In Phương Nam	598,756	598,756
- Công ty Sách Phương Nam	13,235,288	54,119
- Công ty GT TT Phương Nam	1,379,175	4,379,175
Cộng	1,257,858,624	946,763,154

Chi tiết số dư loại tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	30/6/2022	01/01/2022
- Trụ sở chính	425,446,868	928,095,806
- Công ty Bán Lê Phương Nam	27,424,306,652	9,133,422,300
- Công ty Phương Nam Phim	617,771,799	262,397,073
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	-
- Công ty In Phương Nam	10,147,675	13,176,299
- Công ty Sách Phương Nam	882,340,070	274,340,942
- Công ty GT TT Phương Nam	2,225,020	1,233,851
Cộng	29,362,238,084	10,612,666,271

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Các khoản đầu tư tài chính	30/6/2022	01/01/2022
- Đầu tư vào công ty con		
Giá gốc	192,126,120,497	192,126,120,497
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	116,000,000,000	116,000,000,000
+ Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,230,252,241	8,230,252,241
+ Công ty In Phương Nam	895,868,256	895,868,256
+ Công ty Sách Phương Nam	39,000,000,000	39,000,000,000
+ Công ty GT TT Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng	111,669,104,955	118,293,104,056
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	42,457,849,421	47,842,918,788
+ Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,070,792,562	8,070,792,562
+ Công ty In Phương Nam	337,923,643	332,065,928
+ Công ty Sách Phương Nam	32,802,539,329	34,047,326,778
+ Công ty GT TT Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30/06/2022	01/01/2022
Giá gốc	16,436,000,000	16,436,000,000
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2,500,000,000	2,500,000,000
+ Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,352,000,000
+ Công ty TNHH CJ CGV VN	-	-
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000
	-	-
Dự phòng	16,436,000,000	16,436,000,000
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2,500,000,000	2,500,000,000
+ Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,352,000,000
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000
	30/06/2022	01/01/2022
Đầu tư khác	2,499,906,900	2,499,906,900
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	2,499,906,900	2,499,906,900
3. Phải thu của khách hàng	30/06/2022	01/01/2022
+ Khách hàng là các bên liên quan		
- Trụ sở chính	1,668,380,718	1,627,723,144
- Công ty Bán Lê Phương Nam	27,284,112,592	38,178,613,328
- Công ty Phương Nam Phim	873,697,038	993,731,449
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,145,714,008	1,145,714,008
- Công ty In Phương Nam	969,612,978	969,612,978
- Công ty Sách Phương Nam	1,115,162,653	362,484,511
- Công ty GT TT Phương Nam	35,190,835	35,190,835
Cộng	33,091,870,822	43,313,070,253
	-	-
trong đó các bên liên quan		
+ Công ty CP nhân Hiệu Phương Nam	13,495,549	13,495,549
4. Phải thu khác	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Ký cược, ký quỹ;	710,858,497	13,458,094,131
- Tạm ứng	4,365,395,287	6,067,810,946
- Các khoản chi hộ;		
- Phải thu khác.	25,782,033,736	10,215,392,802
+ Trụ sở chính	1,902,885,123	654,877,456

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Bán Lê Phương Nam	22,637,182,202	8,442,815,374
+ Công ty Phương Nam Phim	1,189,166,411	1,117,699,972
+ Công ty Sách Phương Nam	52,800,000	-
Cộng	25,782,033,736	29,741,297,879
	-	-
trong đó phải thu là bên liên quan		
+ Công ty CP nhân Hiệu Phương Nam	15,398,858	15,398,858
b) Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ;	7,203,002,872	5,128,334,530
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	7,203,002,872	5,128,334,530
Cộng	7,203,002,872	5,128,334,530
	-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý :	30/06/2022	01/01/2022
a) Tiền;		
Hàng tồn kho;		
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	2,821,375,887	2,172,131,540
Cộng	2,821,375,887	2,172,131,540
	-	-
	30/06/2022	01/01/2022
6. Phải thu tiền vay		
a) Ngắn hạn		
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	70,000,000,000	70,000,000,000
Cộng	70,000,000,000	70,000,000,000
	-	-
	30/06/2022	01/01/2022
7. Hàng tồn kho:		
a. Giá gốc:		
- Nguyên liệu, vật liệu;	1,509,945,523	1,533,355,518
- Công cụ, dụng cụ;	201,111,000	274,335,000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	1,621,383,792	2,039,068,857
- Thành phẩm;	7,070,006,417	7,115,863,594
- Hàng hóa;	272,891,569,793	261,208,418,170
Cộng	283,294,016,525	272,171,041,139
	-	-
	30/06/2022	01/01/2022
b. Dự phòng hàng tồn kho		
- Hàng hóa;	17,195,830,301	17,195,830,301
Trong đó:		
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	274,567,724	274,567,724
+ Công ty Phương Nam Phim	2,767,884,956	2,767,884,956
+ Công ty Sách Phương Nam	14,153,377,621	14,153,377,621
8. Tài sản dở dang dài hạn	30/06/2022	01/01/2022
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công ty Bán Lê Phương Nam	1,430,213,267	1,469,634,899
Cộng	1,430,213,267	1,469,634,899
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	128,513,287,297	6,036,216,711	1,525,413,574	22,440,762,291	158,515,679,873
- Mua trong năm	-	610,526,000	-	220,407,408	830,933,408
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(270,907,300)	-	-	270,907,300	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(38,865,606)	(38,865,606)
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	128,242,379,997	6,646,742,711	1,525,413,574	22,893,211,393	159,307,747,675
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	101,504,085,224	4,971,800,034	1,404,013,575	20,643,252,260	128,523,151,093
Số dư cuối năm	5,833,852,009	168,497,313	-	1,044,070,910	7,046,420,232
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	(254,985,457)	-	-	254,985,457	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	(38,865,606)	(38,865,606)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	811,603,151	4,309,215,335	5,120,818,486
- Mua trong năm	-	471,134,998	-	471,134,998
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	1,282,738,149	4,309,215,335	5,591,953,484
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	811,603,151	3,520,902,791	4,332,505,942
Số dư cuối năm	-	115,246,706	-	115,246,706
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Nguyên giá	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4,170,407,110	-	-	4,170,407,110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	21,638,954	21,024,408
- Công ty Bán Lê Phương Nam	2,674,468,729	2,115,918,100
- Công ty Phương Nam Phim	2,499,750	4,316,113
- Công ty Sách Phương Nam	2,020,001	2,169,167
Cộng	2,700,627,434	2,143,427,788
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	105,334,963	123,571,769
- Các khoản khác	2,595,292,471	2,019,856,019
b) Dài hạn		
- Trữ sở chính	7,611,741	14,716,602
- Công ty Bán Lê Phương Nam	765,808,470	807,852,616
- Công ty Phương Nam Phim	8,363,391	12,424,708
- Công ty Sách Phương Nam	50,739,538	29,732,072
Cộng	832,523,140	864,725,998
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	323,222,745	402,135,748
- Các khoản khác	509,300,395	462,590,250
15. Phải trả người bán	30/06/2022	01/01/2022
Các khoản phải trả người bán		
- Trữ sở chính	474,033,840	511,602,702
- Công ty Bán Lê Phương Nam	273,272,950,051	278,356,795,027
- Công ty Phương Nam Phim	8,199,341,592	8,632,804,823
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	24,170,000	24,170,000
- Công ty In Phương Nam	34,020,561	30,908,561
- Công ty Sách Phương Nam	5,709,521,035	5,646,769,394
- Công ty GT-TT Phương Nam	587,085,766	587,085,766
Cộng	288,301,122,845	293,790,136,273
Các bên liên quan:	40,182,729	40,182,729
- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	12,170,000	12,170,000
- Công ty Mega Phương nam	28,012,729	28,012,729
+Trả trước người bán là các bên liên quan		
- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	2,545,329,604	2,545,329,604
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2022	01/01/2022
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng	189,296,434	118,237,742
- Thuế thu nhập doanh nghiệp/	79,624,983	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thuế thu nhập cá nhân	207,496,756	223,611,786
- Các loại thuế khác	5,238,000	5,612,950
Cộng	481,656,173	347,462,478
	-	-
b) Phải thu		
- Thuế giá trị gia tăng	67,299,926	891,024
- Thuế xuất nhập khẩu	-	2,797,384
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23,498,168	23,498,168
- Các loại thuế khác	3,208,012	3,208,012
Cộng	94,006,106	30,394,588
	-	-
18. Chi phí phải trả		
	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	5,366,114,750	4,776,442,509
- Công ty Bán Lê Phương Nam	11,938,802,782	5,518,934,928
- Công ty Phương Nam Phim	6,692,898,315	6,629,688,506
- Công ty Sách Phương Nam	2,177,433,244	1,604,734,167
- Công ty TNHH GT-TT Phương Nam	101,897,474	101,897,474
Cộng	26,277,146,565	18,631,697,584
	-	-
19. Phải trả khác	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	2,789,789,682	2,699,450,093
- Kinh phí công đoàn;	518,786,976	553,499,128
- Bảo hiểm xã hội;	832,205,982	816,010,281
- Bảo hiểm y tế;	6,691,500	0
- Bảo hiểm thất nghiệp;	40,737,590	40,542,090
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	2,146,123,360	1,646,123,360
- Các khoản phải trả khác.	24,205,189,058	16,452,523,768
Cộng	30,539,524,148	22,208,148,720
	-	-
Các khoản phải trả khác:		
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	567,450	567,450
+ Khác	24,204,621,608	16,451,956,318
Cộng	24,205,189,058	16,452,523,768
	-	-
b) Dài hạn:	30/06/2022	01/01/2022
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,337,854,976	4,312,392,976
- Phải trả khác	-	-
Cộng	4,337,854,976	4,312,392,976
	-	-
Trong đó		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	-	500,000,000
+ Công ty Phương Nam Phim	4,337,854,976	3,812,392,976
Cộng	4,337,854,976	4,312,392,976
	-	-
20. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Công ty Bán Lê Phương Nam	3,147,523,829	1,380,888,138
Cộng	3,147,523,829	1,380,888,138
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	30/06/2022	01/01/2022
-Trụ sở chính	640,298,420	596,854,601
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	114,808,358	114,808,358
Cộng	755,106,778	711,662,959
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	60,040,634,281	(26,998,377,500)	167,565,859,901
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước							-
Tăng khác năm trước							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước					15,059,532,573		15,059,532,573
Giảm khác năm trước						300,000,000	300,000,000
Số dư đầu năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	44,981,101,708	(27,298,377,500)	152,206,327,328
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay					6,707,062,788		6,707,062,788
Tăng khác năm nay					-		-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay					-		-
Giảm khác năm nay							-
Số dư cuối năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	51,688,164,496	(27,298,377,500)	158,913,390,116

Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(240,890)	(240,890)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,799,351	10,799,351

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/ cổ phần

Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển:	1,998,733,714	1,998,733,714
--------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/06/2022	01/01/2022
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	2,152,540,894	2,152,540,894
Ngoại tệ các loại	9,487.69	9,105.89

28. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý II/2022	Quý II/2021
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Hàng hóa	173,066,305,407	115,790,038,079
+ Dịch vụ	1,501,579,678	742,907,555
+ Khác	7,248,016,544	-
	<u>181,815,901,629</u>	<u>116,532,945,634</u>
	-	-
-Trụ sở chính	388,922,831	439,657,101
-Công ty Bán Lê Phương Nam	175,874,820,695	115,760,091,208
-Công ty Phương Nam Phim	5,415,385,650	324,087,526
-Công ty Sách Phương Nam	136,772,453	9,109,799
Cộng	<u>181,815,901,629</u>	<u>116,532,945,634</u>
	-	-
	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại;	1,524,100,828	1,645,723,022
	<u>1,524,100,828</u>	<u>1,645,723,022</u>
Trong đó:		
-Trụ sở chính	-	-
-Công ty Bán Lê Phương Nam	1,835,564,175	1,320,113,943
-Công ty Phương Nam Phim	(311,463,347)	325,609,079
Cộng	<u>1,524,100,828</u>	<u>1,645,723,022</u>
	-	-
Doanh thu thuần	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
+ Hàng hóa	171,542,204,579	114,144,315,057
+ Dịch vụ	1,501,579,678	742,907,555
+ Khác	7,248,016,544	-
	<u>180,291,800,801</u>	<u>114,887,222,612</u>
	-	-
+ Trong đó:		
-Trụ sở chính	388,922,831	439,657,101
-Công ty Bán Lê Phương Nam	174,350,719,867	114,164,660,822
-Công ty Phương Nam Phim	5,415,385,650	273,794,890
-Công ty Sách Phương Nam	136,772,453	9,109,799
Cộng	<u>180,291,800,801</u>	<u>114,887,222,612</u>
	-	-
	<u>Quý II/2022</u>	<u>Quý II/2021</u>
3. Giá vốn hàng bán		
+ Hàng hóa	112,929,141,793	71,441,911,105
+ Dịch vụ	218,585,864	377,933,159
+ Khác	4,572,258,913	(899,727)
	<u>117,719,986,570</u>	<u>71,818,944,537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Trong đó:		
-Trụ sở chính	174,989,156	265,592,235
-Công ty Bán Lê Phương Nam	113,342,361,341	69,077,014,667
-Công ty Phương Nam Phim	4,089,199,058	(29,123,261)
-Công ty Sách Phương Nam	113,437,015	8,570,635
Cộng	117,719,986,570	69,322,054,276
	-	-

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II/2022	Quý II/2021
-Trụ sở chính	5,680,782	2,966,156
-Công ty Bán Lê Phương Nam	4,175,374,036	5,623,521,673
-Công ty Phương Nam Phim	72,377,367	17,761,050
-Công ty In Phương Nam	511	3,318
-Công ty Sách Phương Nam	409,059	2,397,707
-Công ty GTTT Phương Nam	561	367
Cộng	4,253,842,316	5,646,650,271
	-	-

+ Trong đó:

- Lãi tiền gửi	680,794,476	2,021,089,421
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	124,735	1,171,474
- Chiết khấu thanh toán	2,359,353,569	3,624,389,376
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	1,213,569,536	
Cộng	4,253,842,316	5,646,650,271
	-	-

5. Chi phí tài chính

	Quý II/2022	Quý II/2021
-Trụ sở chính		
-Công ty Bán Lê Phương Nam		(24,024,000)
		5,344,467
Cộng	-	(18,679,533)
Trong đó:	-	-
+ Trong đó:		
- Chiết khấu thanh toán, hoa hồng		(24,024,000)
- Dự phòng lỗ công ty liên kết		5,344,467
Cộng	-	(18,679,533)
	-	-

6. Thu nhập khác

	Quý II/2022	Quý II/2021
-Trụ sở chính	150,000,000	177,700
-Công ty Bán Lê Phương Nam	373,194,511	521,512,744
-Công ty Phương Nam Phim	273	
Cộng	523,194,784	521,690,444
Trong đó	-	-
+ Trong đó:		
-Thanh lý HH, TSCĐ,CCDC	4,409,091	577,272
-Hỗ trợ khác NCC	-	258,869,884
-Các khoản khác	368,785,693	153,798,431
-Công nợ không đòi	-	63,313,038
-Mặt bằng	150,000,000	45,131,819
Cộng	523,194,784	521,690,444

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Quý II/2022	Quý II/2021
7. Chi phí khác		
-Trụ sở chính	153,316,391	109,500,000
-Công ty Bán Lê Phương Nam	12,153,611	217,593,260
Cộng	165,470,002	327,093,260
- Thanh lý TSCD,CCDC,hàng hóa hư		
- Các khoản phạt, truy thu thuế, hành chính..	15,069,226	759,908
- Các khoản khác.	150,402,798	326,333,352
+Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	150,000,000	108,000,000
+Trợ cấp gia đình chính sách	1,500,000	1,500,000
+Chi phí đóng cửa	-	208,333,332
+Khác	(1,196,389)	8,500,020
Cộng	165,472,024	327,093,260
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí bán hàng:	Quý II/2022	Quý II/2021
-Trụ sở chính	-	-
-Công ty Bán Lê Phương Nam	56,648,460,928	48,372,458,288
-Công ty Phương Nam Phim	167,254,869	241,146,508
-Công ty Sách Phương Nam	134,686,245	115,028,621
Cộng	56,950,402,042	48,728,633,417
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên	18,903,335,170	17,545,383,899
Chi phí vật liệu, bao bì	479,094,466	396,461,353
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	202,316,528	195,323,228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,965,591,011	4,307,063,605
Thuế , lệ phí	-	1,499,994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,763,260,023	24,580,752,377
Chi phí khác bằng tiền.	9,636,804,844	1,702,148,961
Cộng	56,950,402,042	48,728,633,417
Chi phí quản lý:	Quý II/2022	Quý II/2021
-Trụ sở chính	1,025,282,427	1,451,638,314
-Công ty Bán Lê Phương Nam	4,979,650,547	4,260,378,379
-Công ty Phương Nam Phim	385,048,293	550,446,697
-Công ty In Phương Nam	-	-
-Công ty Sách Phương Nam	445,605,976	732,853,219
-Công ty GT TT Phương Nam	-	-
Cộng	6,835,587,243	6,995,316,609
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên quản lý	5,779,642,690	4,092,203,644
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	394,496,207	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	58,409,601	62,006,573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205,366,637	170,360,466
Thuế , lệ phí	(13,141,204)	24,941,006
Dự phòng nợ	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(564,364,504)	1,583,461,506
Chi phí khác bằng tiền.	975,177,816	1,062,343,414
Cộng	6,835,587,243	6,995,316,609

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty

+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con
+ Công Ty GT-TT Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Mega Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	Đầu tư khác

Số dư công nợ các bên liên quan

Công ty	Quan hệ	Nội dung	Trị giá (VND)
a). Công ty CP VH Phương Nam			
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Công ty con	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác Phải trả khác	. 63,008,677,514 160,968,940 - -
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con	. Phải thu thương mại	. 3,619,849,689
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con	. Phải trả khác	. 62,399,131
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con	. Phải thu khác	. 43,903,493
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con	. Phải thu thương mại Phải thu khác	. 5,798,516,303 13,197,622,448
b). Công ty TNHH Bán Lê Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại	. 160,968,940 63,008,677,514
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải trả khác	. 25,193,450 2,662,292,053 6,893,880
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	. Phải trả thương mại	. 2,885,002
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác	. 32,339,587 8,991,337,599 238,140
c) Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	. Phải trả thương mại	. 3,619,849,689
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác	. 2,612,693,731 25,193,450 56,492,202
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải trả thương mại	149,600,000
		.	-
		Phải thu thương mại	66,285,249
		Phải thu khác	17,538,889
d) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	-
		Phải thu khác	62,399,131
e) Công ty In Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	-
		Phải trả khác	43,903,493
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	2,885,002
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	149,600,000
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu khác	472,524,711
f) Công ty Sách Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	-
		Phải trả thương mại	5,798,516,303
		Phải trả khác	13,197,622,448
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	8,991,337,599
		Phải trả thương mại	32,339,587
		Phải trả khác	238,140
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	83,824,138
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	227,752,689
		Phải trả khác	244,772,022
g) Công ty GT-TT Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	-
		Phải trả thương mại	601,448,802
		Phải trả khác	3,545,046,515
		Phải trả tiền vay	17,849,972,365
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả khác	52,363,636
		.	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
 Kỳ kế toán đến 30/6/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	S
Từ khách hàng bên ngoài	863	241,404	1,195	-	-	305	-	-	243,767
Giữa các bộ phận	5,989	331	362	-	-	7,362	-	(14,045)	(0)
Tổng cộng	6,852	241,735	1,558	-	-	7,667	-	(14,045)	243,767
Kết quả hoạt động kinh doanh
Kết quả của bộ phận	(1,235)	(12,818)	(746)	-	(4)	882	(2)	(1,753)	(15,676)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập tài chính	(1,235)	(12,818)	(746)	-	(4)	882	(2)	(1,753)	(15,676)
Chi phí tài chính	7	7,514	28	-	-	3	-	-	7,552
Thu nhập từ công ty liên kết	4,427	-	-	-	-	5	-	4,427	8,859
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	(5,655)	(5,304)	(718)	-	(4)	880	(2)	2,526	(8,277)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản mục bất thường	(5,655)	(5,304)	(718)	-	(4)	880	(2)	2,526	(8,277)
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các thông tin khác	(5,655)	(5,304)	(718)	-	(4)	880	(2)	2,526	(8,277)
Tài sản của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty liên kết	157,749	487,923	19,919	184	656	32,904	490	(168)	531,731
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả của bộ phận	157,749	487,923	19,919	184	656	32,904	490	(168)	531,731
Nợ phải trả không phân bổ	6,564	412,264	24,654	25	92	28,103	22,748	(122,007)	372,443
Tổng nợ phải trả hợp nhất	395	75,935	4,256	-	44	19,328	22,049	122,007	-
Chi phí mua sắm tài sản	6,169	336,329	20,398	25	48	8,775	699	-	372,443
Chi phí khấu hao	-	4,178	-	-	-	-	-	-	4,178

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kỳ kế toán đến 30/06/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	725	309,650	5,932			243			316,550
Giữa các bộ phận	6,048	500	268			9,689		-16,505	
Tổng cộng	6,773	310,151	6,200			9,932		-16,505	316,550
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	-670	-356	178		-6	1,244	-2	421	809
Chi phí không phân bổ									
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-670	-356	178		-6	1,244	-2	421	809
Thu nhập tài chính	6	5,741	107			1			5,854
Chi phí tài chính	-6,624							-6,624	
Thu nhập từ công ty liên kết									
Thuế thu nhập doanh nghiệp									
Lợi nhuận sau thuế	5,960	5,385	285		-6	1,245	-2	-6,160	6,707
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,960	5,385	285		-6	1,245	-2	-6,160	6,707
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,960	5,385	285		-6	1,245	-2	-6,160	6,707
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	157,889	482,328	18,457	184	653	36,045	488	-165	531,357
Tổng tài sản hợp nhất	157,889	482,328	18,457	184	653	36,045	488	-165	531,357
Nợ phải trả của bộ phận	8,341	408,786	22,999	25	95	29,848	22,748	-120,398	372,443
Nợ phải trả không phân bổ	223	74,672	3,795		44	19,615	22,049	120,398	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	8,118	334,113	19,204	25	51	10,233	699		372,443
Chi phí mua sắm tài sản									
Chi phí khấu hao	725	309,650	5,932			243			316,550

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2022

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin so sánh

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền
Phải thu khách hàng và phải thu khác
Khoản đầu tư tài chính
Tài sản tài chính khác
Tổng cộng

30/06/2022

01/01/2022

Tiền và các khoản tương đương tiền	43,220,096,708	28,059,429,425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66,076,907,430	78,182,702,662
Khoản đầu tư tài chính	114,200,000,000	103,200,000,000
Tài sản tài chính khác	18,789,401,081	18,159,033,396
Tổng cộng	242,286,405,219	227,601,165,483

Công nợ tài chính

Các khoản vay
Phải trả người bán và phải trả khác
Chi phí phải trả
Tổng cộng

Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	323,178,501,969	320,310,677,969
Chi phí phải trả	26,277,146,565	18,631,697,584
Tổng cộng	349,455,648,534	338,942,375,553

Người Lập / Kế toán trưởng

Phan Quốc Hưng

Ngày 29 tháng 07 năm 2022

Đại diện pháp luật



Võ Ngọc Xuân